

Bản án số: **57/2020/HS-PT**.
Ngày: 10 -8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/TLPT-HS, ngày 16 -7-2020 đối với bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T do có kháng cáo của bị cáo Quân, Trí đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 05-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Minh Q;** Sinh ngày 14-11-1985; Nơi sinh: Tại huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế, mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Có vợ là bà Thái Kiều T, sinh năm 1984 và có 01 người con sinh năm 2017; Anh, em ruột có 03 người lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 13-11- 2019, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. **Trần Minh T;** Sinh ngày 10-01-1995; Nơi sinh: Tại huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Có vợ là bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1996 và có 02 người con, lớn sinh năm 2017 và nhỏ sinh năm 2019; Anh, em ruột có 03 người, lớn sinh năm 1985, nhỏ là bị cáo; Tiền án: Không;

Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 13-11-2019 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh N – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Thanh N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. Địa chỉ: Số A, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Bị cáo Thái Kiều T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12-11-2019, Thái Kiều T nhận được cuộc gọi điện thoại của người tên L ở xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng được Thái Kiều T lưu trong danh bạ điện thoại tên “Chế Loan” dùng số thuê bao 0355.983.417 gọi vào điện thoại của Trinh số thuê bao 0373.556.884 đặt mua thuốc lá điều nhập lậu với số lượng: 270 cây thuốc lá nhãn hiệu Jet, 850 cây thuốc lá nhãn hiệu Hero và 90 cây thuốc lá nhãn hiệu Scott. Do không có sẵn thuốc lá nên Thái Kiều T mới dùng điện thoại của mình là số thuê bao 0373.556.884 gọi cho người nam tên Chuột (không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) được lưu trong danh bạ điện thoại của Thái Kiều T tên “Tân Thạnh 3” có số thuê bao 0845.321.939 để mua thuốc lá với số lượng như người tên Loan đã đặt mua. Hình thức thanh toán với Chuột là khi nhận thuốc lá thì Thái Kiều T chỉ đưa trước một phần tiền, cụ thể ngày 12-11-2019, Thái Kiều T lấy tổng cộng 1.210 cây thuốc lá với tổng số tiền 176.150.000 đồng, bị cáo Trinh trả trước 80.000.000 đồng bỏ trong bọc đen để ngoài đường, vị trí do người bán thuốc lá chỉ trước, một lúc sau người bán thuốc lá đến lấy tiền và liên hệ đi nhận thuốc lá, số còn lại khi nào giao thuốc lá xong thì mới trả đủ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, thì Chuột sử dụng điện thoại số thuê bao 0845.321.939 gọi lại cho Trần Minh Q (là chồng của Thái Kiều T) qua số 0359.746.772 kêu đi qua đường N2 (đường Hồ Chí Minh) thuộc ấp Cà Nhiếp, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An để nhận thuốc thì Trần Minh Q một mình điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-121.XX đi lấy thuốc, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì Trần Minh Q lấy 1.210 cây thuốc lá về đến nhà. Lúc này, Thái Kiều T mới gọi điện thoại cho Trần Minh T (là em ruột của Trần Minh Q) chạy lại nhà rồi cùng lên xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-121.XX đi xuống huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng để giao thuốc lá. Khi đi thì Trần Minh Q điều khiển xe, T thì ngồi ở giữa, còn Trần Minh T ngồi bên lơ xe, Trần Minh Q điều khiển xe đi được một đoạn khoảng 05 đến 06 cây số thì Trần Minh Q có nói với Thái Kiều T và Trần Minh T :*“Ráng đi thuốc thêm chuyến này nữa, vái trời cho tai qua nạn khỏi rồi về kiếm sở khác làm ăn, chứ làm này hoài không tốt”*, khi nghe Trần Minh Q nói thì Thái Kiều T và Trần Minh T đồng ý, không nói gì thêm. Đến khoảng 02 giờ

45 phút ngày 13-11-2019, khi Trần Minh Q điều khiển xe lưu thông trên tuyến Quốc lộ 1A hướng từ thành phố Sóc Trăng về Bạc Liêu, đến đoạn đường thuộc ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Trăng thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra, qua kiểm tra phát hiện bên trong thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-121.XX có chở thuốc lá với số lượng là 270 cây thuốc nhãn hiệu Jet, 850 cây thuốc nhãn hiệu Hero và 90 cây thuốc nhãn hiệu Scott, tổng cộng 1.210 cây thuốc hút là 12.100 bao nên đã tạm giữ và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên tiến hành lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật

Qua điều tra, Trần Minh Q, Trần Minh T và Thái Kiều T còn thừa nhận ngoài lần vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu bị bắt quả tang ngày 13-11-2019, thì trước đó Trần Minh Q, Trần Minh T và Thái Kiều T đã thực hiện thêm hai lần vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng chưa bị phát hiện cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng hơn 17 giờ, một ngày trong tháng 11-2019, Thái Kiều T điện thoại cho người tên Chuột để lấy thuốc lá số lượng là 700 cây (7000 bao) với các nhãn hiệu Jet, Hero và Scott nhưng Thái Kiều T không nhớ rõ cụ thể số lượng từng loại Jet, Hero và Scott là bao nhiêu, với tổng số tiền là 91.100.000 đồng để vận chuyển đi giao cho người phụ nữ được lưu trong danh bạ điện thoại của Thái Kiều T tên “Chế Loan” có số thuê bao 0355.983.417 ở xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày Chuột điện thoại lại cho Trần Minh Q hẹn địa điểm để lấy thuốc lá là khu vực đường N2 (đường Hồ Chí Minh) thuộc ấp Cà Nhiếp, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Sau đó, Trần Minh Q một mình điều khiển xe ô tô tải Biển kiểm soát 62C-121.XX đến địa điểm đã hẹn để lấy thuốc lá rồi điều khiển xe về nhà rước Thái Kiều T và Trần Minh T để cùng đi giao tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Khi lên xe thì Trần Minh Q điều khiển xe, Thái Kiều T thì ngồi giữa còn Trần Minh T ngồi bên lơ, khi xe chạy được một đoạn thì Trần Minh Q có nói cho Thái Kiều T và Trần Minh T là “*có chở theo vài cây thuốc để phụ thêm tiền dầu bù lỗ*”, khi nói xong thì Thái Kiều T và Trần Minh T không nói gì. Trần Minh Q tiếp tục điều khiển xe xuống gần cầu Cần Đước thuộc ấp Khu 3, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, để giao số thuốc lá, khi đến cách cầu Cần Đước một đoạn khoảng 01 đến 02 km hướng về tỉnh Bạc Liêu thì Thái Kiều T mới điện thoại cho người khách nữ tên “Chế Loan” để giao thuốc lá thì người tên Loan mới chỉ địa điểm giao thuốc lá là qua cầu Nhu Gia một đoạn về hướng tỉnh Bạc Liêu, đi khoảng 05 đến 06 km phía bên tay phải có bãi đất trống, cặp bên căn nhà hoang thuộc ấp Ngọn, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, thì để thuốc lá xuống đó. Trần Minh Q điều khiển xe đến địa điểm như người tên Loan chỉ thì Trần Minh Q dừng xe lại rồi cùng Thái Kiều T quăng số thuốc lá nói trên vào khu đất trống, còn Trần Minh T thì ngồi ở trên xe. Sau khi quăng thuốc lá xong thì Trần Minh Q tiếp tục điều khiển xe quay lại đến gốc dừa bên tay phải dưới dốc cầu Cần Đước thuộc ấp Khu 3, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cho Thái Kiều T xuống lấy tiền của người phụ nữ tên

Loan được để sẵn dưới gốc dừa, sau khi lấy tiền xong thì Trần Minh Q điều khiển xe chở Thái Kiều T và Trần Minh T đi về nhà ở Khu phố 4, thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, trong lần vận chuyển thuốc lá này, sau khi trả tiền cho Chuột, các bị cáo Trần Minh Q, Thái Kiều T và Trần Minh T thu lợi với số tiền 2.700.000 đồng.

Lần thứ hai: Cũng vào khoảng hơn 17 giờ, một ngày trong tháng 11-2019 cách lần thứ nhất vài ngày, Thái Kiều T điện thoại cho người tên Chuột để lấy thuốc lá số lượng 800 cây (8000 bao) các nhãn hiệu Jet, Hero và Scott nhưng Thái Kiều T cũng không nhớ cụ thể số lượng từng loại bao nhiêu, với tổng số tiền là 103.600.000 đồng để vận chuyển đi giao cho người phụ nữ được lưu trong danh bạ điện thoại của Thái Kiều T tên “Chế Loan” có số thuê bao 0355.983.417 ở xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên và đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày Chuột điện thoại lại cho Trần Minh Q hẹn địa điểm để lấy thuốc lá là khu vực đường N2 (đường Hồ Chí Minh) thuộc ấp Cà Nhiếp, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Sau đó, Trần Minh Q một mình điều khiển xe ô tô tải Biển kiểm soát 62C-121.XX đến địa điểm đã hẹn để lấy thuốc lá rồi quay về nhà rước Thái Kiều T và Trần Minh T để cùng đi về huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giao thuốc lá. Khi lên xe thì Trần Minh Q điều khiển xe, Thái Kiều T ngồi giữa còn Trần Minh T ngồi bên ghế lơ, khi xe chạy được một đoạn thì Trần Minh Q có nói cho Thái Kiều T và Trần Minh T là “*có chở theo vài cây thuốc để phụ thêm tiền dầu bù lỗ*”, khi nói xong thì Thái Kiều T và Trần Minh T không nói gì. Lúc này Trần Minh Q tiếp tục điều khiển xe xuống gần cầu Cần Đước thuộc ấp Khu 3, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, cũng như lần trước khi đến cách cầu Cần Đước, một đoạn khoảng 01 đến 02 km hướng về tỉnh Bạc Liêu thì Thái Kiều T điện thoại cho người tên “Chế Loan” để giao thuốc lá thì người tên Loan mới chỉ địa điểm giao thuốc lá giống như vị trí của lần giao thứ nhất. Khi đến địa điểm giao, thì Trần Minh Q dừng xe lại và mở cửa thùng xe rồi Trần Minh Q và Trần Minh T khiêng những bao đựng thuốc lá xuống bãi đất trống cặp lộ. Sau khi giao xong thì Trần Minh Q điều khiển xe quay lại đến gốc dừa bên tay phải dưới dốc cầu Cần Đước thuộc ấp Khu 3, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cho Thái Kiều T xuống lấy tiền của người phụ nữ tên Loan được để sẵn dưới gốc dừa, sau khi lấy tiền xong thì Trần Minh Q điều khiển xe chở Thái Kiều T và Trần Minh T đi về nhà ở Khu phố 4, thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, trong lần vận chuyển thuốc lá này, sau khi trả tiền cho Chuột thì Trần Minh Q, Thái Kiều T và Trần Minh T thu lợi với số tiền 3.100.000 đồng

Đối chiếu với Thông tư số 37/2013/TT-BCT ngày 30-12-2013 của Bộ Công thương và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BCT-BYT, ngày 08-02-2013 của Bộ Công thương và Bộ Y tế, toàn bộ số thuốc lá trên không đủ điều kiện nhập khẩu và lưu thông tại thị trường Việt Nam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 05-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Minh Q, Thái Kiều T và Trần Minh T cùng phạm tội: “*Vận chuyển hàng cấm*”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh Q. Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Q 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 13 tháng 11 năm 2019.

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 54, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Thái Kiều T. Xử phạt: Bị cáo Thái Kiều T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và buộc bị cáo Thái Kiều T nộp số tiền 5.800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh T. Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 13 tháng 11 năm 2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 17-6-2020, bị cáo Trần Minh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 17-6-2020, bị cáo Trần Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Minh Q vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Minh T vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh Q; Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh T và căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh Q và bị cáo Trần Minh T giảm án cho bị cáo Trần Minh Q, Trần Minh T và cho bị cáo Trần Minh T được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh Q, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm án cho bị cáo Quân, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh T về việc xin giảm án và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T nộp trực tiếp ngày 17-6-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo T theo quy định pháp luật.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T khai nhận: Vào khoảng 02 giờ 45 phút ngày 13-11-2019, các bị cáo Thái Kiều T, Trần Minh Q và Trần Minh T có hành vi vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu số lượng 1.210 cây (12.100 bao) trên xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-121.XX lưu thông trên Quốc lộ 1A hướng từ thành phố Sóc Trăng về Bạc Liêu. Khi lưu thông đến khu vực thuộc ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên thì bị phát hiện và bắt quả tang. Ngoài lần bị bắt quả tang này, các bị cáo cũng thừa nhận các bị cáo đã thực hiện vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ đầu tháng 11 đến ngày bị bắt quả tang là 02 lần trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên với số lượng lần đầu là 700 cây (7000 bao) và lần thứ hai là 800 cây (8000 bao), lần thứ ba là 12.100 bao thì bị bắt và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Q cho rằng trong các lần vận chuyển bị cáo hoàn toàn không biết số lượng thuốc mà tất cả do Kiều T là vợ bị cáo liên hệ thỏa thuận xong bị cáo là người lấy thuốc, còn T em bị cáo hoàn toàn không biết, khi lên xe thì bị cáo mới nói nhưng không biết T có nghe không. Xét thấy, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại tòa hôm nay bị cáo T thừa nhận 03 lần vận chuyển thuốc bị cáo biết và cũng đồng ý nhưng không biết số lượng bao nhiêu; cũng như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q thừa nhận các lần vận chuyển khi trên xe bị cáo Q thông báo có chở thuốc để bù lỗ tiền xăng, điều này cũng cho thấy bị cáo Q và bị cáo Trinh đã bàn bạc thống nhất việc vận chuyển thuốc lá nên bị cáo Kiều T đã biết rõ trên xe có chở thuốc lá, mục đích bị cáo nói trên xe là để thông báo cho bị cáo T biết. Vì thực tế Kiều T đã biết thì không cần thông báo. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử và kết luận Trần Minh Q, Trần Minh T, Thái Kiều T phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Minh Q: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mà bị cáo đã thực hiện; Bị cáo tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó; Bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn G là Liệt sĩ và được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba, có bà ngoại là bà Trần Thị V

được nhà tặng huân chương kháng chiến hạng ba, cha bị cáo là ông NLQ1 là quân dự bị và có đóng góp cho địa phương phần đất có diện tích 6.000 m² xây dựng trường học; Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện tại có con nhỏ sinh năm 2017, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” để xác định mức hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 05 năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi của bị cáo và phù hợp quy định pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Tại tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Q vì bị cáo Thái Kiều T là người khởi xướng trực tiếp liên hệ với người bán thuốc lá, bị cáo Q là người thực hiện và đi nhận thuốc lá nhưng xử phạt bị cáo Q 05 năm tù, bị cáo Kiều T 03 năm 06 tháng tù, trong khi các tình tiết giảm nhẹ cũng như tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Q và bị cáo Kiều T như nhau nên Kiểm sát viên đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Q, xử bị cáo Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Xét thấy, trước khi thực hiện hành vi phạm tội giữa bị cáo Kiều T và bị cáo Q đã bàn bạc và thống nhất với nhau về việc vận chuyển thêm hàng cấm (thuốc lá điều) để kiếm thêm thu nhập bù lỗ và bị cáo Q là người trực tiếp thực hiện và liên hệ nhận thuốc. Khi bị bắt quả tang thì số lượng thuốc vận chuyển là 12.100 bao chưa kể hai lần phạm tội trước thì lượng thuốc lá đã gấp nhiều lần so với mức khởi điểm của khung hình phạt, cấp sơ thẩm xử bị cáo Kiều T 03 năm 06 tháng là chưa nghiêm. Tuy nhiên, xét bị cáo Kiều T là vợ bị cáo Q, bị cáo là phụ nữ trong gia đình đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2017) và sau khi xét xử sơ thẩm không ai kháng cáo cũng như Viện kiểm sát không kháng nghị đối với mức hình phạt của bị cáo Kiều T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Minh T: Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mà bị cáo đã thực hiện; Bị cáo tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó; Bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn G là Liệt sĩ và được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba, có bà ngoại là bà Trần Thị V được nhà tặng huân chương kháng chiến hạng ba, cha bị cáo là ông NLQ1 là quân dự bị và có đóng góp cho địa phương phần đất có diện tích 6.000 m² xây dựng trường học; Bị cáo là lao động chính trong gia đình và có hai con nhỏ sinh năm 2017 và sinh năm 2019; Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng không lớn là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy

định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và bị cáo có tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã cân nhắc xem xét vai trò của bị cáo và xử phạt bị cáo với mức án 03 năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi của bị cáo và phù hợp quy định pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Minh T: Xét thấy, bị cáo T bị xử phạt tù 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, có nơi cư trú rõ ràng, là đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và tại Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15-5-2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nên không được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02 nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Minh T.

[7] Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng về thực tế khách quan bị cáo Q và bị cáo T không biết số lượng thuốc lá; tại tòa sơ thẩm cũng đã nhận định bị cáo T đồng phạm nhưng không đáng kể, bị cáo Q và bị cáo T phạm tội bị động do bị cáo Kiều T là người thân, bị cáo lại là trụ cột duy nhất trong gia đình và các bị cáo không khai ra các lần phạm tội trước đó thì chỉ phạm tội một lần nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q, bị cáo T và cho bị cáo T được hưởng án treo. Xét thấy, như đã phân tích trên thì đề nghị của vị luật sư bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ bởi các tình tiết nêu trên cấp sơ thẩm cũng áp dụng và cân nhắc mức hình phạt cho các bị cáo; đối với ý kiến luật sư cho rằng nếu bị cáo không khai ra các lần phạm tội trước (tự thú) thì bị cáo chỉ phạm tội một lần, thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết “tự thú” nên bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mới đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trí 03 năm tù là đã có lợi cho bị cáo.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo T là giảm án cho các bị cáo và cho bị cáo T hưởng án treo. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự giảm án cho bị cáo Q. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt của bị cáo Q; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Minh Q. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Trần Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 05-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh Q.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Q 05 (Năm) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2019.

3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh T.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 03 (Ba) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2019.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc các bị cáo Trần Minh Q và Trần Minh T, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản)
- TAND huyện Mỹ Xuyên (02 bản)
- VKSND huyện Mỹ Xuyên (01 bản)
- CQĐT - Công an huyện Mỹ Xuyên (01 bản)
- CQTHAHS-Công an huyện Mỹ Xuyên (01 bản)
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên (01 bản);
- Bị cáo; NBC (03 bản)
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Sóc Trăng (02 bản)
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Sơ Tư pháp; (01 bản);
- Lưu (04 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Tôn Thị Thanh Thúy